

Số: /KL-TTr

Vân Canh, ngày tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến 2023

Thực hiện Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2024. Ngày 08/8/2024 Chánh Thanh tra huyện ban hành Quyết định số 109/QĐ-TTr thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến năm 2023.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra; ý kiến giải trình của Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh (gọi tắt là BQLRPH) được thành lập theo Quyết định số 45/2007/QĐ-UBND ngày 17/01/2007 của UBND huyện Vân Canh. BQLRPH thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (thuộc nhóm 4), sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp 100%.

Chức năng nhiệm vụ: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đất rừng được quy hoạch chức năng phòng hộ trên địa bàn huyện (không có xã Canh Vinh) và một phần diện tích thuộc xã Nhơn Tân (thị xã An Nhơn) tổng diện tích 25.360 ha. Đơn vị thành lập 8 Trạm QLBRV đóng tại các địa bàn. Tổng số viên chức và người lao động của BQLRPH hiện có là 36 người. Trong đó biên chế viên chức được UBND huyện phân bổ hằng năm là 13 người; 23 người là bảo vệ rừng chuyên trách được đơn vị hợp đồng theo đề án của tỉnh.

Trong thời gian qua BQLRPH được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp công tác quản lý bảo vệ rừng của đơn vị đạt được một số kết quả tích cực. Bên cạnh đó trong các năm 2021, 2022 là thời điểm giao thời giữa chuyển đổi giai đoạn thực hiện các chương trình lâm nghiệp, nhiều vấn đề về cơ chế và nguồn kinh phí không kịp thời dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý và thanh toán cho người dân. Mặt khác lực lượng hợp đồng làm công tác bảo vệ rừng chuyên trách thường xuyên thiếu hụt, không ổn định làm ảnh hưởng phần nào đến công tác quản lý bảo vệ rừng của đơn vị.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tổng quát tình hình thu, chi từ năm 2019 đến hết năm 2023

(Phục lục tổng hợp tình hình tiếp nhận và thực hiện các nguồn kinh phí các năm 2019 đến năm 2023 kèm theo).

2. Về chấp hành chế độ kế toán

BQLRPH quản lý tài chính bằng phần mềm kế toán. Hàng năm đều thanh toán chi phí bảo trì phần mềm Tài chính - Kế toán và Quản lý tài sản (Mimosa.net). Hàng tháng rút kinh phí chi hoạt động và đối chiếu tình hình rút dự toán với Kho bạc.

Công tác quản lý thu, chi bảo đảm nguyên tắc thủ tục thanh toán; chứng từ, sổ sách lưu trữ, ghi chép đầy đủ. Chứng từ thanh toán được lập trên cơ sở chứng từ gốc hợp lệ.

Về cơ bản, việc lập chứng từ, sổ sách kế toán, hạch toán, báo cáo kế toán và công tác lưu trữ được thực hiện tốt. Kinh phí được quyết toán đúng và đủ theo chứng từ; không có trường hợp nào bị từ chối quyết toán.

3. Chấp hành định mức thu, chi

a) Về thực hiện kinh phí do Ngân sách cấp

Vào đầu mỗi năm, trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu của UBND huyện, BQLRPH đã lập dự toán chi và Quy chế chi tiêu nội bộ (theo mẫu đối với đơn vị sự nghiệp). Nội dung thu, chi theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định chung và điều kiện hoạt động đặc thù của đơn vị.

Ngoài kinh phí thực hiện tự chủ, BQLRPH còn được nhận các khoản kinh phí không tự chủ để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, thực hiện cải cách hành chính, bổ sung tiền lương, trả tiền khoán bảo vệ rừng, ... BQLRPH thực hiện đúng theo mục đích của nguồn kinh phí được giao. Hình thức chi chủ yếu thực hiện qua tài khoản, bằng chuyển khoản từ Kho bạc Nhà nước qua Ngân hàng vào thẻ ATM của thủ quỹ hoặc của người nhận tiền. Đối với nguồn kinh phí khoán chăm sóc, bảo vệ rừng đơn vị kịp thời lập các thủ tục chi trả đầy đủ, trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định.

b) Về thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn

Thực hiện nội dung chi đúng theo dự toán và quy chế chi tiêu đã đề ra. Chủ yếu là chi về lương, phụ cấp lương, làm thêm giờ, công tác phí, mua sắm đồ dùng, dụng cụ và trang phục, sửa chữa máy móc thiết bị và cơ sở vật chất, ...

* Về chi thường xuyên: Các khoản thanh toán cá nhân (tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương, ...) được xác định cụ thể theo biên chế; thực hiện chi đúng chế độ, định mức quy định.

Các khoản chi cho hoạt động nghiệp vụ chuyên môn (chi về sử dụng văn phòng phẩm, sử dụng điện thoại, công tác phí trong huyện, nhiên liệu, thấp sáng ở chốt, trạm ...) theo hình thức khoán; các khoản chi khác (văn phòng phẩm, công tác ngoài huyện,...) theo thực tế phát sinh được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Cuối mỗi năm BQLRPH chi thu nhập tăng thêm cho viên chức với tỷ lệ, mức chi trong phạm vi quy định.

* Về chi không thường xuyên: Các khoản chi cho hoạt động nghiệp vụ chuyên môn không xác định cụ thể được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, hàng năm được UBND huyện giao bổ sung kinh phí (như kinh phí quản lý, kiểm tra,

nghiệm thu khoán quản lý BVR; kinh phí sửa chữa, mua sắm tập trung máy móc thiết bị, cải cách hành chính, ...). Nhìn chung các nguồn kinh phí được BQLRPH thực hiện theo mục đích, áp dụng các chế độ, định mức theo quy định hiện hành, trong phạm vi số kinh phí được cấp.

Hàng năm toàn thể viên chức và người lao động được cấp trang phục bảo hộ lao động và đồ dùng cá nhân. Qua xem xét chứng từ thanh toán (phiếu chi, chuyên khoản), hầu hết đầy đủ thủ tục, trình tự (đề nghị thanh toán, danh sách, hóa đơn, hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý, ...) thể hiện việc thanh toán có căn cứ, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức cho các đối tượng thụ hưởng.

c) Về chi thực hiện các Chương trình mục tiêu

Kinh phí thực hiện các dự án khoán chăm sóc, bảo vệ rừng được chi đầy đủ, đúng đối tượng, đúng tiến độ, kịp thời theo kinh phí cấp trên giao.

4. Một số khuyết điểm, hạn chế

a) Trong công tác quản lý

Công tác quản lý kinh phí thiếu tính khoa học, theo cách đơn thuần với chu trình: Nhận kinh phí, lập chứng từ, rút tiền từ Kho bạc về chi, cuối kỳ in báo cáo.

- BQLRPH chỉ lập 01 bản dự toán chi theo mục chi Ngân sách (mẫu của cơ quan hành chính), không lập dự toán thu, chi theo các mẫu của phụ lục số 02 Thông tư số 145/2017/TT-BTC và Thông tư số 56/2022/TT-BTC “*Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập...*” và các biểu mẫu dự toán theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC. Hàng năm, BQLRPH được Nhà nước giao kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoán chăm sóc, bảo vệ rừng (kinh phí 7%). Đơn vị không lập dự toán theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC (hiện nay là Thông tư số 56/2022/TT-BTC) và Thông tư số 72/2017/TT-BTC, Thông tư số 108/2021/TT-BTC (nay là Thông tư số 70/2024/TT-BTC). Mặt khác trong các năm tiếp nhận kinh phí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ chi, BQLRPH không lập dự toán bổ sung theo các biểu mẫu dự toán trên.

- BQLRPH không có phương án tự chủ tài chính theo Điều 21 của Thông tư số 145/2017/TT-BTC và Điều 9 của Thông tư số 56/2022/TT-BTC (các biểu mẫu theo phụ lục số 2).

- Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLRPH áp dụng theo Thông tư 71/2014/TT-BTC là không đúng quy định. BQLRPH là đơn vị Sự nghiệp Kinh tế và Sự nghiệp khác, thì áp dụng phụ lục số 01 của Thông tư số 145/2017/TT-BTC (hiện nay là Thông tư số 56/2022/TT-BTC phụ lục số 5). Đơn vị không có văn bản trình UBND huyện xem xét Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định của Điều 15.3 Thông tư số 145/2017/TT-BTC (hiện nay là Điều 11.3 của Thông tư số 56/2022/TT-BTC). Cuối năm đơn vị không lập các báo cáo theo Điều 22.1 (các biểu mẫu phụ lục số 5) của Thông tư số 145/2017/TT-BTC và không lập quyết toán thu, chi quản lý dự án theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC.

Trong việc lập chứng từ thanh toán, có một số chứng từ thanh toán không kèm theo chứng từ gốc, thiếu thủ tục làm căn cứ, không đầy đủ thông tin chứng từ gốc.

b) Trong thực hiện nhiệm vụ chi

- BQLRPH chi hỗ trợ tiền vật tư y tế, nhiên liệu, hao mòn xe máy cá nhân, ngủ đêm trong rừng, mỗi người 500.000 đồng/tháng từ tháng 6/2021 đến hết năm 2023. Trong khi đó đơn vị đã khoán công tác phí 500.000 đồng/người/tháng.

Đơn vị giải trình do địa bàn hoạt động rộng, môi trường rừng núi hiểm trở, ăn ngủ trong rừng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đau ốm, bệnh tật, bất trắc; việc di chuyển đường trong rừng, giao thông khó khăn, xe máy hư hao thường xuyên; tình trạng phá rừng phức tạp, đối tượng phá rừng hành hung nhân viên còn phá hoại phương tiện, ... Trong khi mức thu nhập hạn chế, chưa có chế độ đãi ngộ, nếu không đảm bảo thêm điều kiện an ninh và sinh hoạt, nhân viên dễ bỏ việc nhiều. Thực hiện Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định về “*Kế hoạch Bảo vệ rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021*”. Trong thời gian dịch Covid 19 giữa năm 2021, Chi bộ BQLRPH đã chỉ đạo tìm biện pháp cải thiện điều kiện sinh hoạt, làm việc cho nhân viên để giữ chân người lao động. Đơn vị đã vận dụng các chế độ về y tế, bảo vệ sức khỏe và an toàn, an ninh cho người lao động, từ đó đề ra hỗ trợ thêm cho viên chức và người lao động mức 500.000 đồng/người/tháng bằng hình thức khoán.

- Năm 2020, năm 2023 đơn vị tổ chức trực QLBR và PCCCR 5 tháng mùa khô (tháng 4/2020 đến tháng 8/2020); trực ngoài giờ hành chính bảo vệ cơ quan, trực các ngày lễ, tết. Chi thanh toán thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng (có thông báo phân công trực, bảng chấm công, bảng thanh toán tiền trực làm thêm giờ). Tuy nhiên khi kiểm tra chi tiết hồ sơ về số giờ làm thêm theo bảng chấm công cho thấy số giờ làm thêm của một số viên chức, người lao động tại đơn vị có số giờ làm thêm hơn 200 giờ/năm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 107 Bộ Luật Lao động năm 2019.

- Năm 2023, đơn vị thanh toán tiền hỗ trợ trực bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho viên chức và lao động hợp đồng tại GR số 325 với số tiền 57.800.000 đồng. Mức chi hỗ trợ 100.000 đồng/ngày theo Quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng là chưa phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng, quy định: “*trường hợp được cấp có thẩm quyền triệu tập, huy động làm nhiệm vụ trực cháy rừng ngoài giờ làm việc, được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định của pháp luật*”.

Đơn vị giải trình các khoản chi nêu trên là đơn vị chi hỗ trợ chứ không chi theo chế độ làm thêm giờ theo quy định của Bộ Luật lao động.

- Một số việc mua sắm chỉ định thầu, nhưng thực hiện chào hàng cạnh tranh (báo giá cung cấp hàng). Một số chứng từ mua sắm đồ dùng, bảo hộ, sửa chữa, mua trang thiết bị thiếu báo giá của 3 đơn vị (theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC về *sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên*). Mặt khác

việc lấy báo giá ở các địa phương khác không đúng quy định Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 “*Giá hàng hóa cần mua của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trong trường hợp không đủ 3 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác đảm bảo đủ 3 báo giá;*”. Trong số đó, việc mua sắm đồ bảo hộ, công cụ, đồ dùng cho cá nhân và các Trạm số lượng khá nhiều, mà không có kế hoạch (dự toán mua sắm).

Ngoài ra còn một số chứng từ thanh toán khác chưa đảm bảo thủ tục. Trong quá trình kiểm tra Đoàn thanh tra đã nhắc nhở và đề nghị đơn vị bổ sung đầy đủ thủ tục thanh toán theo quy định.

III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

1. Ưu điểm

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 BQLRPH Vân Canh cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp. Hàng năm đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và công khai trong toàn thể viên chức, người lao động. Phần lớn nội dung chi áp dụng đúng các tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định.

Thực hiện tốt chế độ tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí NSNN cấp có hiệu quả cho hoạt động của BQLRPH. Kết quả sử dụng các nguồn kinh phí đã phục vụ tốt cho hoạt động nhiệm vụ chính trị được giao. Đối với những nguồn kinh phí chương trình mục tiêu, công tác chi trả cho các đối tượng nhận khoán QLVR được BQLRPH thực hiện đúng theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

BQLRPH là đơn vị sự nghiệp công sử dụng Ngân sách Nhà nước, hàng năm thực hiện chưa đúng việc lập các biểu mẫu theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC và Thông tư số 56/2022/TT-BTC “*Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.....*” và các biểu mẫu dự toán theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC và Thông tư số 108/2021/TT-BTC về “*quản lý, sử dụng khoản thu từ hoạt động quản lý dự án*” mà áp dụng các biểu mẫu như đối với các cơ quan hành chính. Từ đó khó khăn, mất nhiều thời gian cho công tác kiểm tra, đánh giá đối với từng nguồn kinh phí. Đơn vị không có văn bản trình UBND huyện xem xét Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định. Cuối năm đơn vị không lập các báo cáo theo Điều 22.1 (các biểu mẫu phụ lục số 5) của Thông tư số 145/2017/TT-BTC và không lập quyết toán thu, chi quản lý dự án theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC.

Đoàn thanh tra đã nêu một số nội dung chi trong các biên bản kết quả kiểm tra. BQLRPH đã giải trình một số vấn đề như: Bồi dưỡng trách nhiệm cho Trưởng, Phó các trạm; hỗ trợ vật tư y tế, nhiên liệu và hao mòn xe; hợp đồng lái xe và bảo vệ không có trong quy chế chi tiêu nội bộ; Mua sắm trang phục không đúng loại theo quy định; trực chống cháy rừng, ... và một số các mục chi thuộc quyền tự chủ theo quy định trong Chương III, Điều 11 của Thông tư số 56/2022/TT-BTC như đã nêu trên. Qua nội dung giải trình Đoàn thanh tra nhận thấy điều kiện hoạt động của đơn vị là môi trường khắc nghiệt và khó hấp dẫn người lao động, có nhiều khoản cần

thiết phải chi để thực hiện nhiệm vụ mà không có trong quy định nhất là trong thời gian xảy ra dịch Covid 19. Do đó, Đoàn thanh tra không đề nghị thu hồi các khoản tiền mà đơn vị đã chi hỗ trợ cho viên chức, người lao động chưa đúng quy định từ tháng 6/2021 đến hết năm 2022.

Đến năm 2023 tình hình trở lại hoạt động bình thường, nhưng BQLRPH vẫn duy trì khoản hỗ trợ tiền vật tư y tế, nhiên liệu, hao mòn xe máy cá nhân, ngủ đêm trong rừng, mỗi viên chức 500.000 đồng/tháng, trong khi đó đơn vị đã khoán công tác phí 500.000 đồng/người/tháng là không đúng quy định. Đoàn thanh tra đề nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 27.500.000 đồng.

Để xảy ra những hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến năm 2023 trách nhiệm chính thuộc về người đứng đầu đơn vị và các bộ phận giúp việc có liên quan (Phó Giám đốc, bộ phận Kế toán).

Tổng số tiền chi sai quy định đề nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước là **27.500.000 đồng**.

IV. KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Xét tính chất, mức độ hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến năm 2023. Chánh Thanh tra huyện kiến nghị như sau:

1. Đối với Giám đốc BQLRPH Vân Canh

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đạt được, chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Xây dựng các khoản chi trong quy chế chi tiêu nội bộ phải căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, các khoản chi phải đúng định mức, đối tượng.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn bổ sung, khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được Đoàn thanh tra nhắc nhở hướng dẫn thông qua các buổi làm việc và biên bản kiểm tra, cụ thể: Chấp hành các biểu mẫu quản lý, điều hành kinh phí theo quy định của Thông tư số 56/2022/TT-BTC và Thông tư số 108/2021/TT-BTC (nay là Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024); Kinh phí cấp bổ sung phải lập dự toán bổ sung hợp lý và có cơ chế công khai, minh bạch để theo dõi nguồn kinh phí; Chấn chỉnh việc lập chứng từ và lưu trữ chứng từ theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Chứng từ gốc phải lập đầy đủ, có căn cứ chế độ, đúng thực tế và phải gắn liền với chứng từ thanh toán; Chấp hành nghiêm túc Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 “*về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên*” khi mua sắm tập trung, mua sắm vật tư, trang thiết bị và sửa chữa trang thiết bị. Quá trình thực hiện cần tham khảo giá cả trên nhiều kênh thông tin, lấy báo giá thị trường địa phương, chú trọng thông tin mạng Internet, bảo đảm giá cả hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí và phù hợp giá cả địa phương.

- Rà soát bãi bỏ những khoản chi, những định mức tiêu chuẩn không phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị và quy định của pháp luật; rà soát tham mưu

UBND huyện sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện

- Chỉ đạo Giám đốc BQLRPH kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và các cá nhân để xảy ra thiếu sót, hạn chế trong việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến năm 2023 như kết quả thanh tra đã nêu.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn Ban QLRPH Vân Canh nói riêng và các đơn vị sự nghiệp khác nói chung thuộc UBND huyện thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp. Kiên quyết không cho thanh toán, quyết toán các mục chi chưa đúng quy định và thủ tục thanh quyết toán.

- Xử lý thu hồi số tiền chi sai quy định **27.500.000 đồng** nộp vào ngân sách huyện (thông qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện: **3949.0.1010485.00000**, mã quan hệ ngân sách **1010485** được mở tại Kho bạc nhà nước huyện).

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh từ năm 2019 đến năm 2023. Kính báo cáo Chủ tịch UBND huyện. Đồng thời, đề nghị các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Kết luận này theo quy định của Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- CT UBND huyện (b/c);
- UBKT Huyện ủy (p/h);
- Phòng TC-KH (p/h);
- Ban QLRPH (t/h);
- Công thông tin ĐT huyện;
- Lưu: VT, HS ĐTTr.

CHÁNH THANH TRA

Huỳnh Công Vinh

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP
TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2023 TẠI BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ VÂN CANH**

Văn bản cấp KP	Nội dung	Số tiếp nhận	Nhập DT Kho Bạc	Rút chi thực hiện	Còn lại	Ghi chú
<u>Năm 2019</u>		<u>10.265.747.000</u>	<u>10.265.747.000</u>	<u>9.736.062.313</u>	<u>530.949.781</u>	
1351/QĐ-UBND ngày 14-12-2018	Giao dự toán thu, chi năm 2019	1.144.000.000	1.144.000.000	1.144.000.000		
	- <i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	28.000.000	28.000.000	26.115.533	1.884.467	
354/QĐ-UBND ngày 07-03-2019	KPSN CTMTPT LNBV năm 2019	1.018.758.000	1.018.758.000	1.018.758.000		
762/QĐ-UBND ngày 05-06-2019	KP qly, ktra, ngthu rừng (năm 2018 còn thiếu và cấp 2019)	570.441.000	570.441.000	570.441.000		
767/QĐ-UBND ngày 06-06-2019	KPSN CTMTQG GNBV (theo NQ30a)	6.563.968.000	6.563.968.000	6.552.180.000	11.788.000	
890/QĐ-UBND ngày 28-06-2019	KP CCHC 2019	4.000.000	4.000.000	4.000.000		
2176/QĐ-UBND ngày 30-08-2019	KP hợp đồng lao động BVR 2019	931.547.000	931.547.000	414.269.686	517.277.314	
2585/QĐ-UBND ngày 08-11-2019	KP bổ sung tiền lương, PC tăng theo NĐ 38/2019	5.033.000	5.033.000	5.033.000		
<u>Năm 2020</u>		13.139.359.000	11.304.359.000	10.924.102.538	382.140.929	
	Giao dự toán thu chi NS năm 2020	3.103.000.000	3.103.000.000			

3006/QĐ- UBND ngày 19-12-2019	- KP tự chủ	1.240.000.000	1.227.400.000	1.227.400.000		
	+ Trong đó: Tiết kiệm chi 10%	28.000.000	28.000.000		28.000.000	
	- KP không tự chủ (Hợp đồng lao động)	1.863.000.000	1.863.000.000	1.521.339.538	341.660.462	
1168/QĐ- UBND ngày 28-08-2020	Cắt giảm chi th.xuyên theo NQ 84/2020/NQ-CP	-12.600.000				
213/QĐ- UBND ngày 13-03-2020	KP quản lý, kiểm tra, nghiệm thu rừng	123.201.000	123.201.000	123.201.000		QĐ 213 và QĐ 1039
286/QĐ- UBND ngày 09-04-2020	KP SN CTMTQG GNBV theo NQ 30a	6.634.000.000	6.634.000.000	6.623.464.000	10.536.000	
483/QĐ- UBND ngày 24-03-2020	UBND huyện cấp KP phần mềm quản lý tài sản	9.000.000	9.000.000	9.000.000		
592/QĐ- UBND ngày 27-05-2020	Hỗ trợ KP quản lý, bảo vệ rừng	60.000.000	60.000.000	60.000.000		
597/QĐ- UBND ngày 27-05-2020	KPSN CTMT PTLNBV năm 2020	1.018.758.000	1.018.758.000	1.018.698.000	60.000	
	- Khoán bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng	952.110.000	952.110.000			
	- KP quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoán BVR	66.648.000	66.648.000			
1039/QĐ- UBND ngày 04-08-2020	KP gly, ktra, ngh thu - từ nguồn tiết kiệm chi	341.000.000	341.000.000	341.000.000		
	Số dư năm trước chuyển sang	1.884.467	1.884.467		1.884.467	
Năm 2021	-	<u>4.988.432.790</u>	<u>4.538.317.257</u>	<u>3.698.879.085</u>	<u>809.553.705</u>	
Số dư đầu năm			29.884.467	-	-	

1949/QĐ- UBND ngày 24-12-2020	Giao Dự toán thu chi năm 2021	3.092.000.000	3.169.510.790	2.951.864.571	217.646.219
	- Nguồn KP tự chủ (13)	1.201.000.000	1.278.510.790	1.278.510.790	
	- Tiết kiệm 10% CCTL (14)	28.000.000	28.000.000	28.000.000	
	- KP không tự chủ (12) - hợp đồng lao động BVR	1.863.000.000	1.863.000.000	1.645.353.781	217.646.219
265/QĐ- UBND ngày 29-03-2021	KP BVR năm 2021	537.230.000	537.230.000	481.930.514	55.299.486
435/QĐ- UBND ngày 19-04-2021	KP ứng dụng CNTT và CCHC	30.000.000	30.000.000	30.400.000	-400.000
2717/QĐ- UBND UB tỉnh ngày 29-06- 2021	KPSN CTMT PTLNBV 2021 (UB tỉnh) 216910 ha	208.884.000	208.884.000	208.884.000	
	- Khoản BVR và khoán nuôi tái sinh (khoán theo QĐ 886 TTg)	195.219.000			
	- KP quản lý, kiểm tra, ngh thu	13.665.000			
1399/QĐ- UBND ngày 17-08-2021	KP chữa cháy rừng TK 357 Canh Hiệp	25.800.000	25.800.000	25.800.000	
1674/QĐ- UBND ngày 24-09-2021	Cắt giảm dự toán 2021 để tập trung phòng chống Covid	-5.600.000			
2367/QĐ- UBND ngày 16-11-2021	KP bổ sung tiền lương tăng thêm 2021	83.110.790			
1553/QĐ- UBND ngày 08-09-2021	Nguồn KP trích từ đầu tư trồng rừng và hưởng lợi khai thác	1.017.008.000	537.008.000		537.008.000
	- Xây dựng phương án QL BVR 21- 30	498.319.000	498.319.000		498.319.000

	- Trồng phục hồi rừng phòng hộ TK 363A Canh Hiệp	38.689.000	38.689.000		38.689.000	
	- XD nhà xe cơ quan; sân, tường rào trạm CHn, Canh Tiến	480.000.000				
<u>Năm 2022</u>	-	<u>15.345.376.967</u>	<u>15.340.261.434</u>	<u>14.618.718.967</u>	<u>691.658.000</u>	-
Số dư đầu năm			29.884.467		-	-
179/QĐ-UBND ngày 17-01-2022	Bổ sung KP hợp đồng lao động BVR	1.825.590.000	1.825.590.000	1.825.590.000	-	
2819/QĐ-UBND ngày 20-12-2021	Giao dự toán thu, chi năm 2022	1.458.000.000	1.423.000.000	1.674.732.967	-	Cộng 251.732.967
	- KP tự chủ	1.423.000.000	1.423.000.000	1.674.732.967	-	
	- Tiết kiệm 10% CCHC	35.000.000			-	
277/QĐ-UBND ngày 27-01-2022	Cấp TƯ KP khoán BVR năm 2021	3.711.926.000	3.711.926.000	3.679.176.000	32.750.000	
	- Khoán BVR chuyển tiếp	177.276.000	177.276.000	177.276.000		
	- KP quản lý, ktra, nghthu	12.410.000	12.410.000		12.410.000	Không thực hiện
	- CTMTQG phát triển KTXH đồng bào DTTS và miền núi 2021	3.522.240.000	3.522.240.000	3.501.900.000	20.340.000	
1037/QĐ-UBND ngày 05-04-2022	KP QL BVR năm 2022	1.537.000.000	1.537.000.000	878.092.000	658.908.000	
1248/QĐ-UBND ngày 14-04-2022	Bổ sung tiền lương Viên chức trúng tuyển và trợ cấp 76	370.932.967	370.932.967	119.200.000		
	- Lương, PC cho VC trúng tuyển	251.732.967	251.732.967			
	-Trợ cấp lần đầu theo NĐ 76	119.200.000	119.200.000	119.200.000		
1480/QĐ-UBND ngày 06-05-2022	KP mua sắm trang thiết bị	103.000.000	103.000.000	103.000.000		

1741/QĐ-UBND ngày 06-06-2022	Cấp lại KP CTMT năm 2021 (chuyển sang 2022)	539.789.000	539.789.000	539.789.000		
3802/QĐ-UBND ngày 19-12-2022	KPSN ChTrình PTLNBVững 2022	797.139.000	797.139.000	797.139.000		
	- KP khoán bảo vệ rừng	744.990.000	744.990.000	744.990.000		Không thực hiện
	- KP quản lý, ktra, nghthu QLBR	52.149.000	52.149.000	52.149.000		
2794/QĐ-UBND ngày 30-09-2022	KPSN thuộc 3 CTMTQG GNBV năm 2022	5.002.000.000	5.002.000.000	5.002.000.000	-	
<u>Năm 2023</u>	-	<u>21.650.695.627</u>	<u>21.463.766.094</u>	<u>17.523.424.129</u>	<u>103.852.078</u>	
3919/QĐ-UBND ngày 23-12-2022	Giao dự toán thu, chi năm 2023	3.655.000.000				
	- KP tự chủ	1.763.000.000	1.763.000.000	1.763.000.000		
	- Tiết kiệm chi 10%	35.000.000				
	- Tiết kiệm thêm (theo TT 47/2022/TT-BTC)	31.000.000				
	- KP không tự chủ - Hợp đồng lao động NVR	1.826.000.000	1.826.000.000	1.748.480.305	77.519.695	
	Năm trước chuyển sang					
	- Số dư năm 2022 Cấp TƯ KP khoán BVR năm 2021	3.711.926.000				
	- Chuyển tạm ứng năm 2022 sang cấp phát	189.686.000	189.686.000	188.646.000	1.040.000	
- Cải cách tiền lương	29.884.467	29.884.467	29.884.467			
449/QĐ-UBND ngày 23-02-2023	KPSN thực hiện tiêu DA 1 CTMT Đồng bào DTTS	1.464.770.000	1.464.770.000	1.464.770.000		
	KPSN Chương trình PTLN bền vững	797.139.000	797.139.000	797.139.000		

576/QĐ- UBND ngày 15-03-2023	- KP khoản BQBVR	744.990.000	744.990.000	744.990.000		
	- KP quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoản BVR	52.149.000	52.149.000	52.149.000		
676/QĐ- UBND ngày 27-03-2023	KP QL BVR năm 2023	396.360.000	396.360.000	373.199.000	23.161.000	
1356/QĐ- UBND ngày 05-06-2023	KPSN thực hiện tiêu DA 1 CTMT Đồng bào DTTS	14.943.053.000	14.943.053.000	14.942.074.502		Trong đó KPNS huyện đối ứng : 186,9
	- KP khoản BVR năm 2023	7.599.123.000	7.599.123.000	7.598.282.402	840.598	105.057.000
	- KP trả nợ khoản BVR năm 2022	537.030.000	537.030.000	537.030.000		
	- KP trả nợ khoản BVR năm 2021	6.806.900.000	6.806.900.000	6.806.762.100	137.900	81.900.000
1517/QĐ- UBND ngày 15-06-2023	KP trích từ đầu tư trồng rừng và hưởng lợi sau khai thác	340.500.000				
2202/QĐ- UBND ngày 18-08-2023	KP bổ sung tiền lương tăng thêm, nâng bậc, ...	107.632.000	107.632.000	106.479.115	1.152.885	
2217/QĐ- UBND ngày 24-08-2023	KP chi trả đầu giá xe oto	1.430.000	1.430.000	1.430.000		
3364/QĐ- UBND ngày 29-11-2023	- KP giảm tiền lương do nghỉ hưu (Đoàn Văn Tây)	-96.988.373	-96.988.373	-96.988.373		
	- KP trợ cấp lần đầu theo ND 116 và ND 76	41.800.000	41.800.000	41.800.000		

